

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **320/2019/HNGĐ-ST**  
Ngày 16 - 12 - 2019  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Từ Thanh Nhung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Việt Thắng.

Ông Trịnh Văn Điệp.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Huỳnh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 619/2019/TLST-HNGĐ ngày 16/9/2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 401/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/11/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 380/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29/11/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bùi Anh K1, sinh năm 1982.

- *Bị đơn:* Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện T, tỉnh C .

*Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không rõ lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện ngày 16/9/2019 và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:**

Vào năm 2005 anh K1 và chị H được 02 bên gia đình tổ chức đám cưới với nhau, hôn nhân tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời kỳ hôn nhân có 02 con chung tên Bùi Anh K2, sinh 17/01/2006 và Bùi Minh T, sinh 01/01/2008 (các con chung hiện nay chị H đang nuôi dạy).

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng và mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, vợ chồng sống ly thân 8 năm nhưng không có thiện chí hàn gắn trở lại.

Nay anh K1 yêu cầu ly hôn với chị H; về con chung đồng ý giao 02 con chung cho chị H nuôi dạy, anh K1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

- **Đối với bị đơn:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, 02 lần để xét xử, nhưng chị H đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Anh K1 xác định mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị H mâu thuẫn trầm trọng, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh K1 khởi kiện chị H về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con và chị H có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn đã được triệu tập hợp lệ 02 lần để xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Xét về mối quan hệ hôn nhân và yêu cầu ly hôn:* Hội đồng xét xử xét thấy anh K1 và chị H tự nguyện sống chung với nhau và đủ điều kiện kết hôn thì phải đăng ký theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch, nhưng anh K1 và chị H không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, do đó căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 không công nhận anh K212 và chị H là vợ chồng là phù hợp.

[4] *Xét về con chung:*

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Trong quá trình hôn nhân anh K1 và chị H có 02 con chung Bùi Anh K2 và Bùi Minh T hiện nay đang được chị H nuôi dạy, các cháu đã từ đủ 7 tuổi trở lên, nhưng hiện nay các cháu không có mặt ở địa phương và không rõ ở đâu, nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của các cháu được. Hội đồng xét xử xét thấy chị H hiện nay đang trực tiếp nuôi dạy các cháu và anh K1 cũng đồng ý giao các cháu cho chị H nuôi dạy, nên cần giao các cháu cho chị H nuôi dạy là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh K1 có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung, không ai được cản trở anh K1 thực hiện quyền này và anh K1 phải tôn trọng quyền của các con chung được sống với chị H là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung: Anh K1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị H về mức cấp dưỡng nuôi con, nhưng Hội đồng xét xử xét đối với mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng, theo hướng dẫn tại khoản 2, mục III Công văn số: 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao thì mức cấp dưỡng tối thiểu không dưới  $\frac{1}{2}$  mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử đối với 01 người con, mức lương cơ sở hiện nay là 1.490.000 đồng, do đó cần buộc anh K1 cấp dưỡng nuôi cháu K2 và cháu T mỗi cháu 01 tháng là 745.000 đồng và phương thức cấp dưỡng hàng tháng là phù hợp theo quy định tại Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Xét về tài sản chung và nợ chung*: Anh K1 cho rằng vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị H, nên chưa có căn cứ làm rõ phần tài sản chung và nợ chung giữa anh K1 và chị H. Do đó, cần tách phần tài sản chung và nợ chung ra, trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp và có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6] *Xét về án phí*: Anh K1 phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, anh K1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh K1 đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **1. Về nội dung:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn Bùi Anh K1.

- Về hôn nhân: Không công nhận Bùi Anh K1 và Nguyễn Thị Bé H là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi dạy các con chung tên Bùi Anh K2, sinh 17/01/2006 và Bùi Minh T, sinh 01/01/2008. Anh K1 có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung, không ai có quyền ngăn cản anh K1 thực hiện quyền này và anh K1 phải tôn trọng quyền của các con chung được sống với chị H.

Anh K1 có trách nhiệm giao cháu Bùi Anh K2 và cháu Bùi Minh T cho chị H nuôi dạy.

Anh K1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Anh K2 và cháu Bùi Minh T mỗi cháu với số tiền 745.000 đồng/tháng cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo quy định của pháp luật. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng kể từ ngày 16/12/2019.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án mà anh K1 chậm thực hiện nghĩa vụ đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên, thì hàng tháng anh K1 còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

## **2. Về án phí sơ thẩm:**

Anh K1 phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, anh K1 phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, anh K1 đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số: 0002677 ngày 16/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đổi trừ. Anh K1 phải nộp tiếp án phí với số tiền là 300.000 đồng (chưa nộp).

**3.** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh C;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Từ Thanh Nhung**